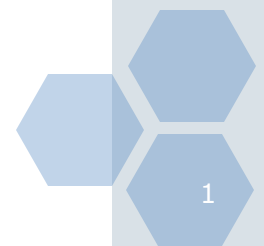


Chương 6

PHÂN TÍCH CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ



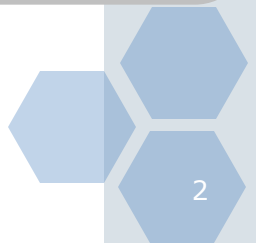


NỘI DUNG CHƯƠNG 6

I. VAI TRÒ CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ – LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

III PHÂN TÍCH CROSS – COUNTRIES TRONG CHI TIÊU Y TẾ

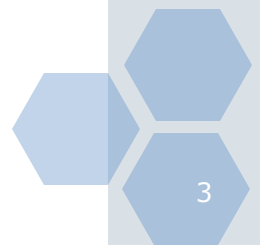




I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.1. Khái niệm dịch vụ y tế

- *Tổ Chức Y tế Thế Giới (WHO, 1947) định nghĩa “Sức khỏe là sự vẹn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, chứ không chỉ là không có bệnh tật”.*
- *Khái niệm:* Dịch vụ y tế là một lĩnh vực dịch vụ đặc biệt trong nền kinh tế. Lĩnh vực này cung cấp những tiện ích (sản phẩm và dịch vụ) về phòng chống bệnh dịch, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân và cộng đồng dân cư.





I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.1. Khái niệm dịch vụ y tế

Các hoạt động của dịch vụ y tế

- Hoạt động phòng bệnh bao gồm các công việc chủ yếu như cung cấp thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết của dân cư về bệnh tật và các biện pháp tự phòng chống; nghiên cứu mô hình phát triển của các dịch bệnh để có biện pháp hạn chế và phòng chống bệnh tật; nghiên cứu sản xuất các loại vắc xin; thực hiện tiêm chủng, cung cấp thuốc, hoá chất phòng ngừa bệnh tật, thực hiện các biện pháp vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, biện pháp chủ động phòng ngừa bệnh tật trong dân cư... Sản phẩm dịch vụ phòng bệnh mang tính chất là hàng hoá công cộng.
- Hoạt động điều trị, khám chữa bệnh là hoạt động của các cơ sở y tế, bệnh viện về thực hiện công việc khám, chữa bệnh, điều trị cho người bệnh.

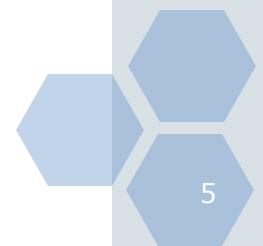




I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.2. Đặc điểm của dịch vụ y tế

- Mỗi người đều có nguy cơ mắc bệnh và nhu cầu chăm sóc sức khỏe ở các mức độ khác nhau. Chính vì không dự đoán được thời điểm mắc bệnh nên thường người ta gặp khó khăn trong chi trả các chi phí y tế không lường trước được.
- Dịch vụ y tế là loại hàng hoá mà người sử dụng (người bệnh) thường không tự mình lựa chọn được mà chủ yếu do bên cung ứng (cơ sở y tế) quyết định. Nói một cách khác, ngược lại với thông lệ “Cầu quyết định cung” trong dịch vụ y tế “Cung quyết định cầu”. Cụ thể, người bệnh có nhu cầu khám chữa bệnh nhưng điều trị bằng phương pháp nào, thời gian bao lâu lại do bác sĩ quyết định. Như vậy, người bệnh chỉ có thể lựa chọn nơi điều trị, ở một chừng mực nào đó, bác sĩ điều trị chứ không được chủ động lựa chọn phương pháp điều trị.





I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.2. Đặc điểm của dịch vụ y tế

- Dịch vụ y tế là loại hàng hoá gắn liền với sức khoẻ, tính mạng con người nên không giống các nhu cầu khác, khi bị ốm, mặc dù không có tiền nhưng người ta vẫn phải mua (khám chữa bệnh) đây là đặc điểm đặc biệt không giống các loại hàng hóa khác.
- Dịch vụ y tế nhiều khi không bình đẳng trong mối quan hệ, đặc biệt trong tình trạng cấp cứu: Không thể chờ đợi được và chấp nhận dịch vụ bằng mọi giá.
- Bên cung cấp dịch vụ có thể là một tổ chức hay cũng có thể là một cá nhân. Để được là bên cung cấp dịch vụ y tế thì phải có giấy phép hành nghề theo quy định của Nhà nước
- Dịch vụ y tế là mang tính chất “công cộng” vừa mang tính chất “cá nhân”



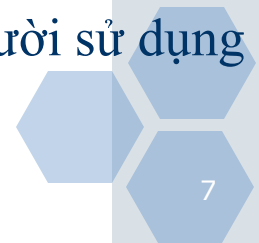


I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.3. Phân loại dịch vụ y tế

a. Phân loại theo đối tượng phục vụ: Có ba loại dịch vụ y tế: dịch vụ y tế công cộng (public good), dịch vụ y tế cho các đối tượng cần chăm sóc ưu tiên (merit good) và dịch vụ y tế cá nhân (private good).

- Dịch vụ y tế công cộng là các dịch vụ mà lợi ích của những dịch vụ này không chỉ giới hạn ở việc cung ứng trực tiếp (dịch vụ khám chữa bệnh) cho người sử dụng mà còn cung ứng gián tiếp cho cộng đồng như các dịch vụ phòng bệnh, giáo dục y tế.
- Dịch vụ y tế cho các đối tượng cần chăm sóc ưu tiên: dành cho một số đối tượng đặc biệt như người nghèo, bà mẹ - trẻ em, người có công với cách mạng...
- Dịch vụ y tế cá nhân là các dịch vụ y tế chỉ cung ứng trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ.





I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.3. Phân loại dịch vụ y tế

b. Phân loại theo phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh

- Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh là những dịch vụ y tế mà các cơ sở y tế đăng ký với Nhà nước được cung cấp tại đơn vị mình. Danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh được sắp xếp theo chuyên khoa, chuyên ngành như: Dịch vụ khoa ngoại, chấn thương, nội, sản, nhi...
- Phân tuyến kỹ thuật là những quy định của cơ quan Nhà nước trong phạm vi chuyên môn kỹ thuật cho các tuyến từ tuyến xã, huyện, tỉnh đến Trung ương (Phân tuyến kỹ thuật và danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh trong Quyết định số 23/2005/QĐ-BYT ngày 30/8/2005 của Bộ y tế).
- Theo tiêu thức này dịch vụ y tế bao gồm các hoạt động sau: Hoạt động y tế dự phòng (Bao gồm cả lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm); Hoạt động khám chữa bệnh, phục hồi chức năng; Hoạt động khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền; Hoạt động sản xuất, kiểm nghiệm và phân phối thuốc...

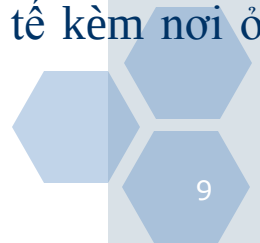


I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.3. Phân loại dịch vụ y tế

c. Phân loại theo tiêu thức của WTO

- Các dịch vụ nha khoa và y tế: Các dịch vụ chủ yếu nhằm mục đích dự phòng, chẩn đoán và chữa bệnh qua tham vấn với các bệnh nhân mà không có chăm sóc tại bệnh viện...
- Các dịch vụ do hộ sinh, y tá, vật lý trị liệu và nhân viên kỹ thuật y tế cung cấp: Các dịch vụ như giám sát trong thai kỳ và sinh con... chăm sóc (không nhập viện), tư vấn và dự phòng cho bệnh nhân tại gia.
- Các dịch vụ bệnh viện: Các dịch vụ được cung cấp theo chỉ dẫn của bác sỹ chủ yếu đối với các bệnh nhân nội trú nhằm mục đích chữa trị, phục hồi và/hoặc duy trì tình trạng sức khỏe...
- Các dịch vụ y tế con người khác: Các dịch vụ ngoại trú; các dịch vụ y tế kèm nơi ở thay vì các dịch vụ bệnh viện.





I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.4. Mô hình tổ chức y tế ở Việt Nam:

a) *Dựa theo tổ chức hành chính:*

- Mạng lưới được chia làm 4 tuyến: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Tuyến sau có trách nhiệm chỉ đạo, hỗ trợ tuyến trước. Tuyến trước có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các thông tin cho tuyến sau để làm tốt việc quản lý.
- Tổ chức theo khu vực nhân cư: Những cơ sở làm công tác khám chữa bệnh như bệnh viện, các phòng khám, nhà hộ sinh...

b) *Mạng lưới còn được chia theo 2 khu vực:*

- *Khu vực phổ cập* với nhiệm vụ: Bảo đảm nhu cầu bảo vệ sức khỏe cho nhân dân hàng ngày, sử dụng các kỹ thuật thông thường phổ biến, khu vực này từ tuyến tỉnh trở xuống đến y tế cơ sở.
- *Khu vực chuyên sâu* với nhiệm vụ: Từng bước đi vào khoa học kỹ thuật cao. Sử dụng các kỹ thuật cao, thích hợp với Việt Nam đi sâu vào nghiên cứu khoa học và chỉ đạo khoa học kỹ thuật cho địa phương hỗ trợ giải quyết khó khăn vượt qua khả năng y tế phổ cập. Đào tạo cán bộ y tế cho phổ cập.

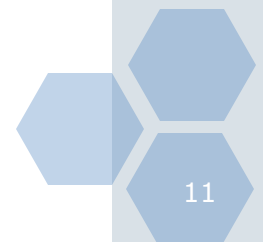
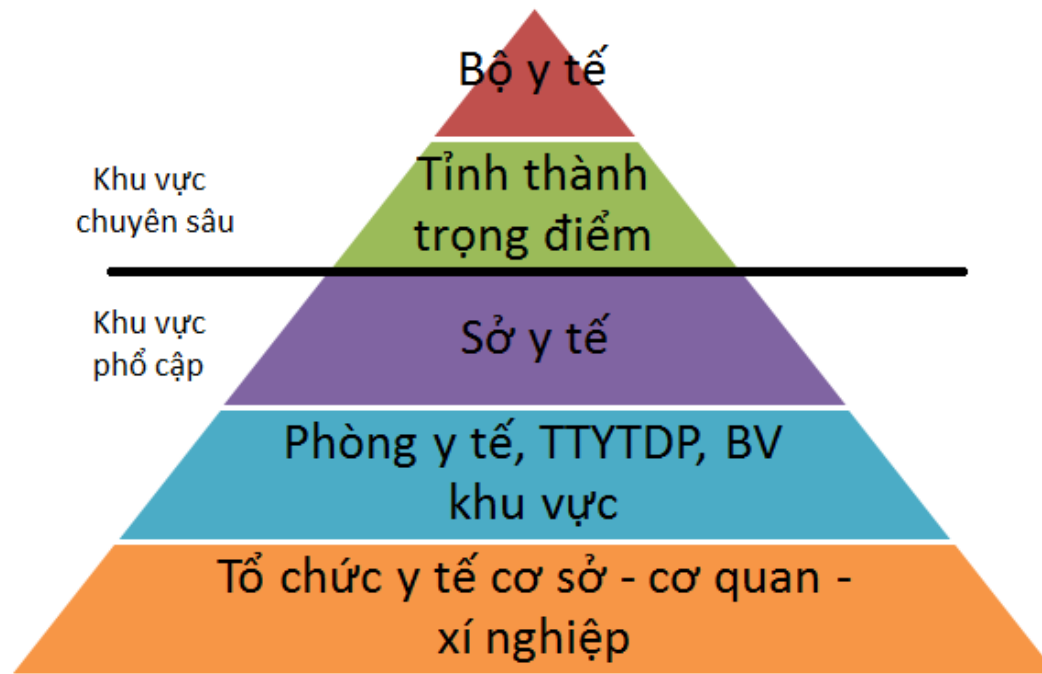


I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I.4. Mô hình tổ chức y tế ở Việt Nam:

c) Mạng lưới còn hình thành theo nhiều thành phần kinh tế:

- Cơ sở y tế nhà nước
- Cơ sở y tế tư nhân

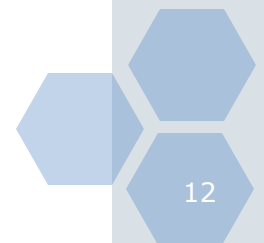




I. VAI TRÒ CỦA CHI TIÊU CÔNG TRONG Y TẾ

I5. Vai trò của chi tiêu công trong y tế

- *Thứ nhất*, đảm bảo tính chất hàng hoá công cộng của sản phẩm dịch vụ y tế.
- *Thứ hai*, khắc phục sự phân phối không công bằng về dịch vụ y tế của thị trường.
- *Thứ ba*, phát triển nguồn nhân lực quốc gia
 - + Tăng cường sức khoẻ nhân dân,
 - + Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khoẻ,
 - + Tăng cường hiệu quả và chất lượng trong chăm sóc sức khoẻ.





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.1. Các phương pháp phân tích chi phí lợi ích trong y tế

- *Phân tích giảm thiểu chi phí* (Cost Minimization Anlysisa – CMA) dựa trên các phát hiện dịch tễ học, kỹ thuật này dùng để xác định các chi phí can thiệp nhỏ nhất.
- *Phân tích chi phí hiệu quả* (Cost Effectiveness Analysis- CEA) Phát hiện phương pháp tốt nhất để hoàn thành một mục tiêu đơn bằng cách so sánh chi phí với hiệu quả:
 - + Loại can thiệp nào trong một số can thiệp sẽ hoàn thành với chi phí nhỏ nhất.
 - + Với một ngân sách cố định, loại can thiệp nào sẽ tối đa hoá hiệu quả của chi phí.
 - + Các kết quả đánh giá sẽ được biểu hiện bằng chi phí, hoặc hiệu quả tính bằng đơn vị tiền tệ.

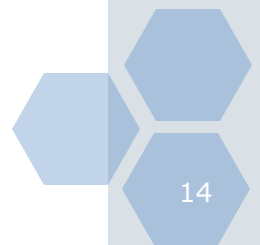




II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.1. Các phương pháp phân tích chi phí lợi ích trong y tế

- *Phân tích chi phí lợi ích (Cost Benefit Analysis – CBA)* Đó là việc định giá cả chi phí và lợi ích thành tiền, so sánh chúng, lượng giá xem đề án, chương trình có phải là điều mong muốn không, qua cách sử dụng các tiêu chuẩn để ra quyết định: Nếu tỷ số Lợi ích/Chi phí > 1 là khả thi.
- *Phân tích chi phí hữu dụng (Cost Unitity Analysis-CUA)* là một dạng của CEA nhưng nó đo lường hiệu quả của một dự án, chương trình bằng tính hữu dụng, có thể hướng vào việc tối thiểu hoá chi phí hoặc tối đa hoá hiệu quả.





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.2. Chi phí y tế

❖ *Chi phí của ca mổ ruột thừa?*

Bệnh nhân mổ ruột thừa tại BV Bạch mai



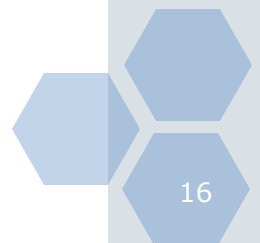
Khi ra viện bệnh nhân trả 2.000.000 đồng



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.2. Chi phí y tế và giá dịch vụ y tế

- ❖ Chi phí dịch vụ y tế: Toàn bộ nguồn lực (thường quy ra tiền) để tạo ra một sản phẩm hay dịch vụ nào đó
- ❖ Nguồn lực bao gồm:
 - *Lương bác sỹ, điều dưỡng, cán bộ hỗ trợ trực tiếp tham gia ca mổ*
 - *Thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao (bông, băng, côn, gạc...)*
 - *Điện, nước, vật tư văn phòng*
 - *Khấu hao trang thiết bị, máy móc*
 - *vvv*





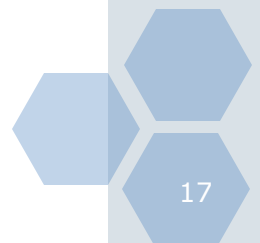
II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.2. Chi phí y tế và giá dịch vụ y tế

- **Giá (phí, viện phí):** *Là số tiền mà người mua trả cho người bán*
- **Giá = Chi phí + lợi nhuận**

Giá dịch vụ y tế < chi phí thực?

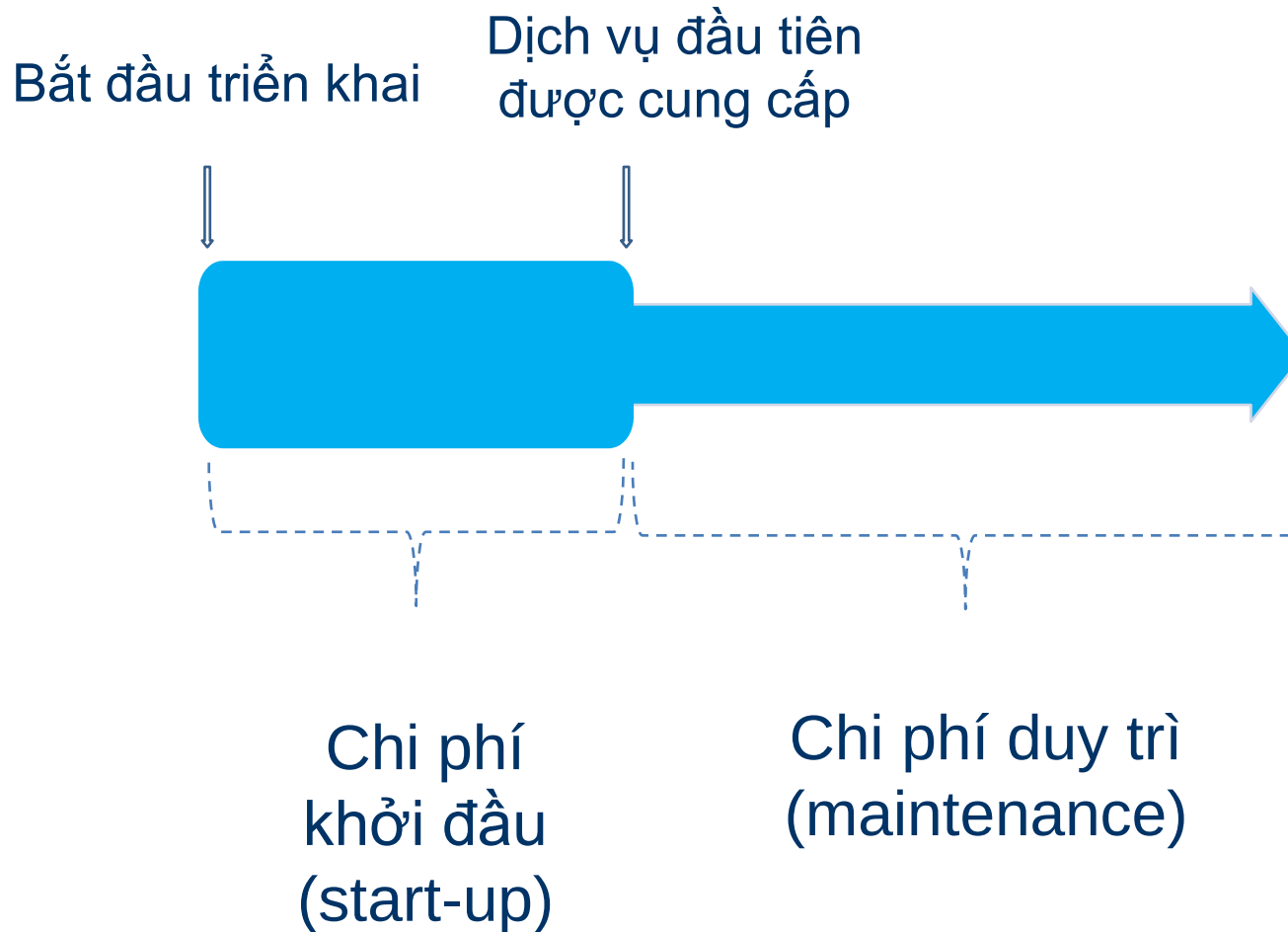
- ❖ **Giá dịch vụ y tế bị tác động bởi: Chính sách; Chi phí; Lợi nhuận mục tiêu; Cạnh tranh; Nhu cầu và yêu cầu...**





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II3. Phân loại chi phí y tế





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.3 Phân loại chi phí

* *Theo giai đoạn triển khai*

Chi phí khởi đầu (start-up)	Chi phí duy trì (maintenance)
Chi phí cho các hoạt động tính từ thời điểm quyết định triển khai hoạt động cho đến khi dịch vụ đầu tiên được cung cấp <i>Ví dụ: Xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ, mua sắm trang thiết bị...</i>	Chi phí cho các hoạt động về sau (thường tính trong 1 giai đoạn nào đó) <i>Ví dụ: Khám, tư vấn, xét nghiệm, điều trị</i>



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.3 Phân loại chi phí

* *Theo chức năng*

Chi phí trực tiếp (Direct costs)	Chi phí gián tiếp (Indirect costs)
Liên quan trực tiếp đến việc sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ <i>Ví dụ: Lương và phụ cấp cán bộ trực tiếp tham gia ca mổ</i>	Không trực tiếp đến việc sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ <i>Ví dụ: Chi phí của các bộ phận hành chính, kế toán</i>



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.3 Phân loại chi phí

* *Theo tính chất*

Chi phí cố định (Fixed costs)	Chi phí biến đổi (Variable costs)
Là những hạng mục chi phí không bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về qui mô hoạt động <i>Ví dụ: Lương và phụ cấp cán bộ phòng khám</i>	Là những hạng mục chi phí bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về qui mô hoạt động <i>Ví dụ: Thuốc, vật tư tiêu hao tại phòng khám</i>

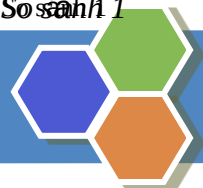


II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.3 Phân loại chi phí

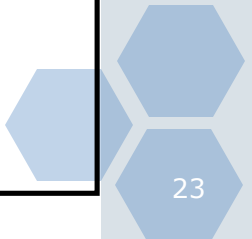
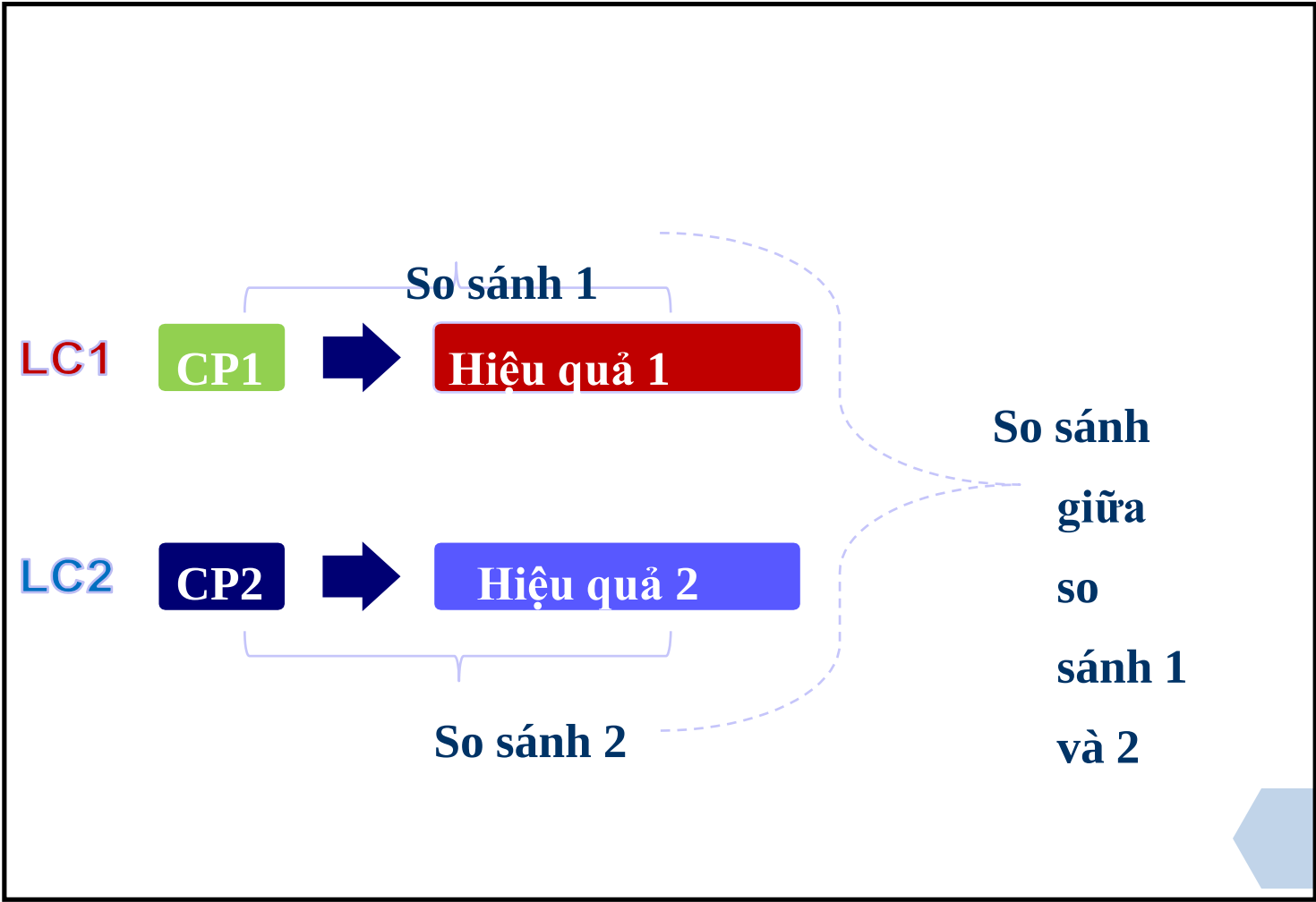
* *Theo loại đầu vào*

Chi phí đầu tư (Capital costs)	Chi phí thường xuyên (Recurrent costs)
Là những mục chi phí thông thường phải trả một lần, ngay từ khi bắt đầu một dự án hay một can thiệp y tế. Đó thường là các khoản chi phí lớn, và có giá trị sử dụng trên một năm <i>Ví dụ: Chi phí xây dựng, mua sắm máy móc</i>	Là những chi phí xảy ra nhiều lần, lặp đi lặp lại trong một năm hoặc nhiều năm <i>Ví dụ: Chi lương, thưởng, phụ cấp cho cán bộ</i>



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

SO SÁNH 2 CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ BÀNG CHỈ TIÊU CMA

	Chi phí	Hiệu quả
Chương trình A 	25.000	7.000
Chương trình B	36.400	7.000



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

SO SÁNH 2 CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ BÀNG CHỈ TIÊU CEA

	Chi phí	Hiệu quả	CER (Tỷ số chi phí hiệu quả)
Chương trình A	25.000	8.000	3,125
Chương trình B	36.400	10.000	3,64



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

SO SÁNH 2 CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ BÀNG CHỈ TIÊU CBA (BCA VÀ NPV)

	Chi phí	Hiệu quả
Chương trình A	22 triệu	85 triệu
Chương trình B	60 triệu	141 triệu



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

SO SÁNH 2 CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ BẰNG CHỈ TIÊU CUA

	Chi phí	Hiệu quả
Không can thiệp	0	50 QALY
Chương trình A	10 triệu	60 QALY
Chương trình B	15 triệu	70 QALY

QALY: Số năm sống được điều chỉnh theo chất lượng cuộc sống
CUA Chi phí/QALY tăng thêm



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

SO SÁNH 2 CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ BÀNG CHỈ TIÊU CUA

	Chi phí	Hiệu quả
Không can thiệp	0	100 DALY
Chương trình A	100 triệu	90 DALY
Chương trình B	150 triệu	80 DALY

DALY: Số năm sống được điều chỉnh theo bệnh tật, tàn tật
CUA Chi phí/DALY giảm đi



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG Y TẾ

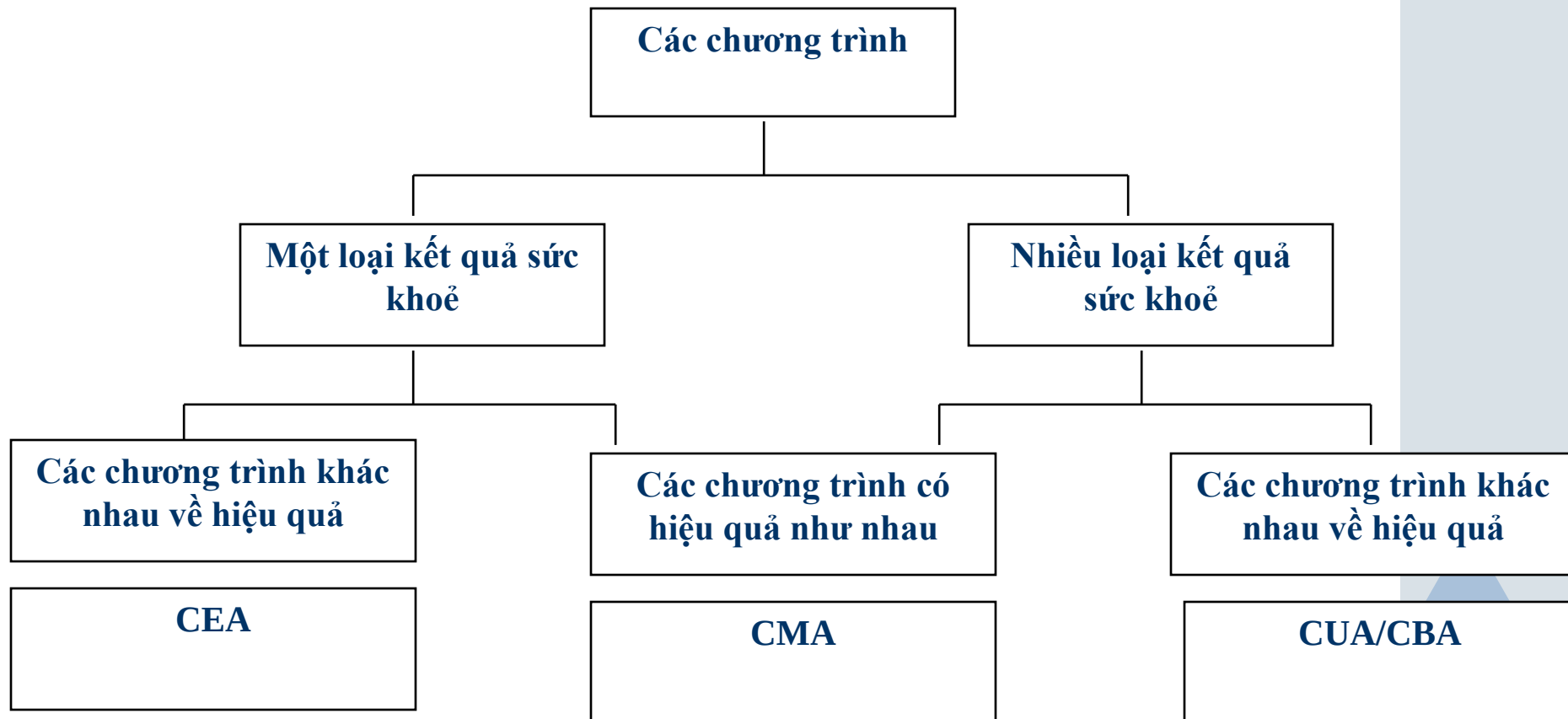
Phương pháp	Chi phí	Hiệu quả	Chỉ số
Phân tích chi phí tối thiểu (CMA)	Tiền	-	-
Phân tích chi phí hiệu quả (CEA)	Tiền	Đơn vị tự nhiên	Tỷ số chi phí hiệu quả (CER)
Phân tích chi phí lợi ích (CBA)	Tiền	Tiền	BCR, NPV
Phân tích chi phí thỏa dụng (CUA)	Tiền	QALY DALY	Chi phí/QALY tăng thêm Chi phí/DALY giảm đi



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.4. Phân tích chi phí lợi ích y tế

ĐÁNH GIÁ KINH TẾ Y TẾ





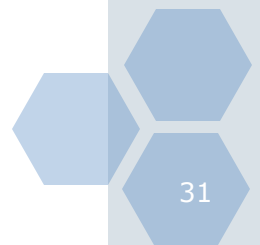
II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

CEA là phương pháp đánh giá, so sánh những can thiệp trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, đầu ra là 1 chỉ số sức khỏe, nhưng những can thiệp này khác nhau về nguồn lực sử dụng (tiền)

Tính chỉ số chi phí hiệu quả tăng thêm (ICER)

$$= (\text{Chi phí can thiệp} - \text{chi phí chuẩn}) / (\text{Lợi ích can thiệp} - \text{Hiệu quả tiêu chuẩn}) = \Delta \text{ Chi phí} / \Delta \text{ Hiệu quả}$$





II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

CEA là phương pháp đánh giá, so sánh những can thiệp trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, đầu ra là 1 chỉ số sức khỏe, nhưng những can thiệp này khác nhau về nguồn lực sử dụng (tiền)

Ví dụ chi phí - hiệu quả

	Chi phí	Số năm sống nhận được
Chương trình A	\$2,202 M	677.4
Chương trình B	\$2,167 M	592.7
Chương trình C	\$2,556 M	762.1
Chương trình D	\$2,820 M	846.8

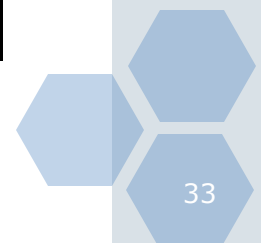


II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Tỉ số chi phí - hiệu quả

	Tỉ số chi phí/ hiệu quả
Chương trình A	\$3.25 triệu
Chương trình B	\$3.66 triệu
Chương trình C	\$3.35 triệu
Chương trình D	\$3.33 triệu

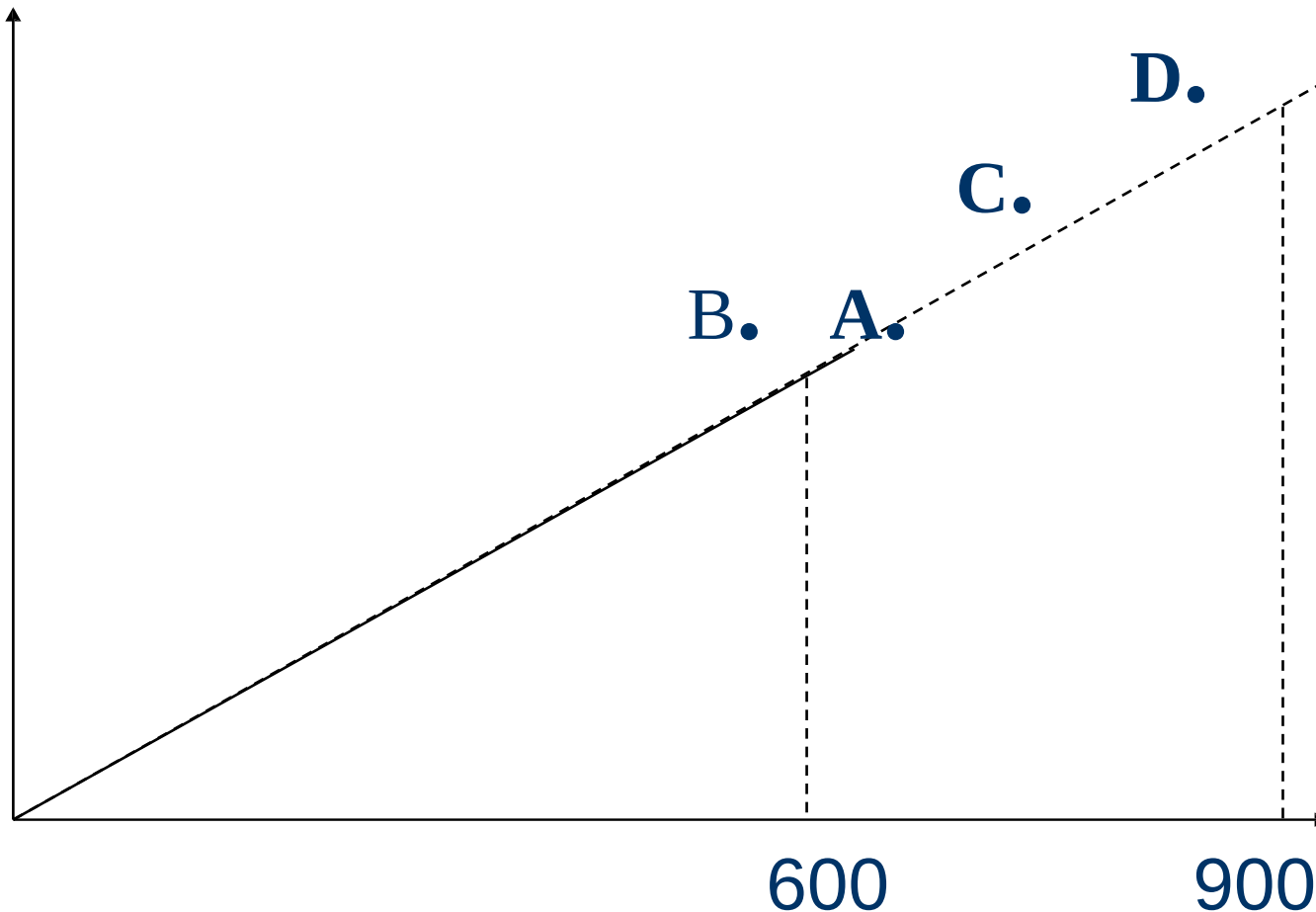




II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Chi phí



Số năm sống nhận được năm sống nhận đư



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Tỉ số chi phí - hiệu quả

	Chi phí tăng thêm	Năm sống nhận được tăng thêm	Chi phí trên năm sống nhận được tăng thêm
Chương trình B	-\$35 M	-84.7	\$0.41 M
Chương trình C	\$354 M	84.7	\$4.18 M
Chương trình D	\$618 M	169.4	\$3.65 M



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Tỉ số chi phí - hiệu quả

	Chi phí tăng thêm	Năm sống nhận được tăng thêm	Chi phí trên năm sống nhận được tăng thêm
Chương trình B	-\$35 M	-84.7	\$0.41 M
Chương trình C	\$354 M	84.7	\$4.18 M
Chương trình D	\$618 M	169.4	\$3.65 M



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Chuyển quyền chọn lựa cho những năm sống

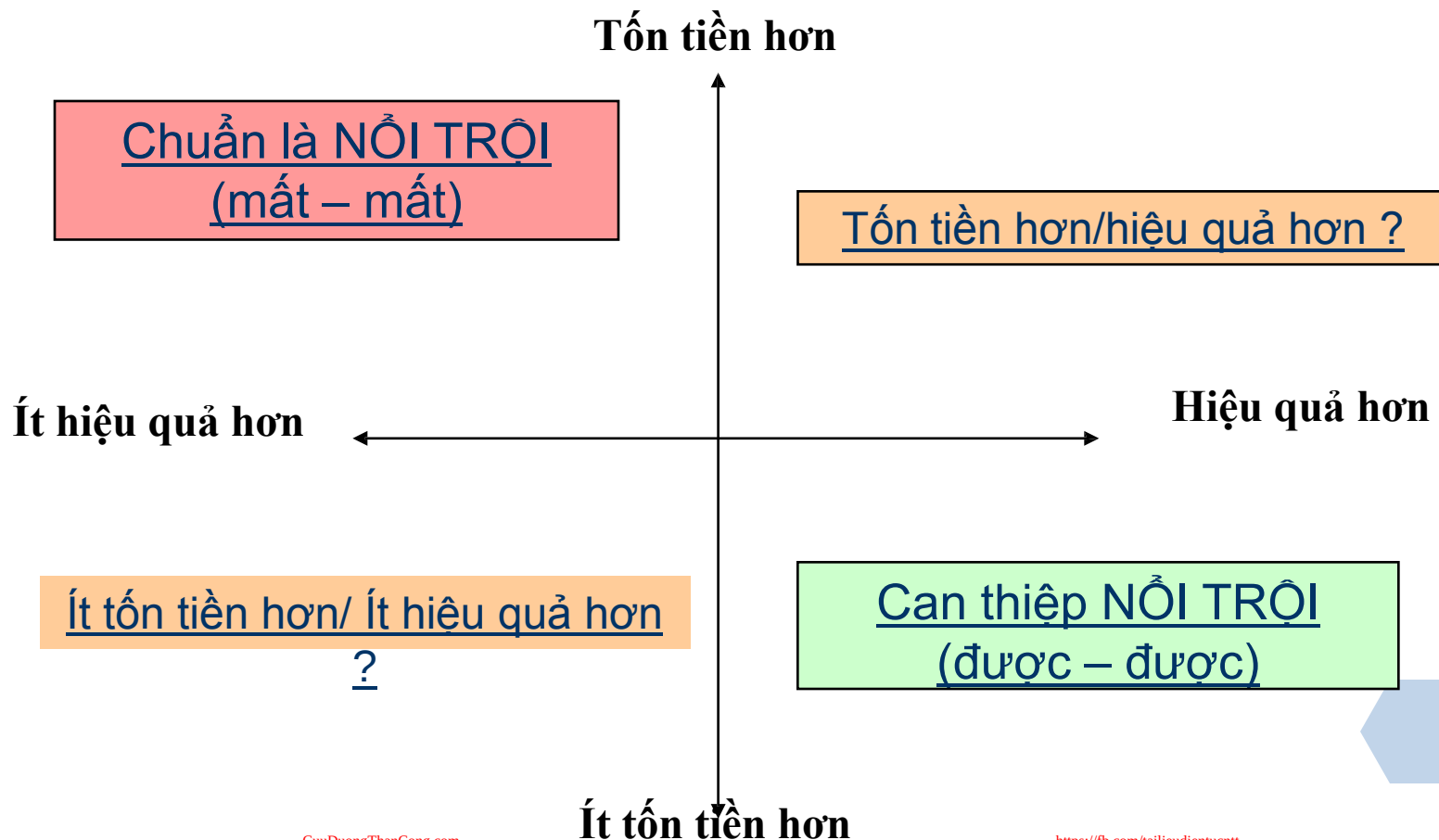
Năm sống nhận được	Chi phí/năm sống nhận được tăng thêm	Toàn bộ chi phí chương trình
0 – 677,4	\$3,25 triệu	\$2.202 triệu tại A nhưng có thể được giảm xuống
$\geq 677,4$	\$3,65 triệu	\$2.820 triệu tại D nhưng có thể được tăng lên



II. PHÂN TÍCH CHI PHÍ LỢI ÍCH TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.5. Phương pháp phân tích chi phí hiệu quả CEA

Những tình huống có thể
So sánh với chăm sóc chuẩn, can thiệp là:





III. PHÂN TÍCH CROSS – COUTRIES TRONG CHI TIÊU Y TẾ

II.1. Cấp độ đánh giá kinh tế y tế

Hiệu suất kỹ thuật



Hiệu suất phân bổ

Giải pháp **A**
hay **B** có hiệu
quả hơn khi
giải quyết
vấn đề **X** ?

Giải pháp **A**
Giải quyết
Vấn đề **X** hay
B giải quyết
vấn đề **Y** ?



III. PHÂN TÍCH CROSS – COUTRIES TRONG CHI TIÊU Y TẾ

Những lưu ý khi phân tích chi phí hiệu quả trong y tế

- Sử dụng phân tích độ nhạy để đánh giá ICER có thể đáp ứng thể nào đối với những thay đổi về những giả thiết được dùng: đưa ra các giả thiết thay đổi các biến số
- Tiêu chuẩn lựa chọn là “chọn phương án có giá trị hiện tại của các phí phí thấp nhất. Vì vậy kết quả có thể là một hàm số của tỷ lệ chiết khấu và có thể thay đổi theo sự thay đổi của tỉ lệ chiết khấu
- Phân tích chương trình y tế (sử dụng phương pháp CEA) sẽ bao gồm các bước tương tự như những bước trong trường hợp thiết lập thẩm định dự án đầu tư bình thường, ngoại trừ việc bỏ qua phần lợi ích và tập trung vào thiết lập chi phí cho đúng
- Phân tích kinh tế sẽ bao gồm so sánh các chi phí kinh tế của hai phương án hoặc ước tính chi phí kinh tế trên mỗi đơn vị kết quả của mỗi chương trình.





III. PHÂN TÍCH CROSS – COUTRIES TRONG CHI TIÊU Y TẾ

Những lưu ý khi phân tích chi phí hiệu quả trong y tế

- Sử dụng phân tích độ nhạy để đánh giá ICER có thể đáp ứng thế nào đối với những thay đổi về những giả thiết được dùng: đưa ra các giả thiết thay đổi các biến số.
- Tiêu chuẩn lựa chọn là “chọn phương án có giá trị hiện tại của các phí phí thấp nhất. Vì vậy kết quả có thể là một hàm số của tỷ lệ chiết khấu và có thể thay đổi theo sự thay đổi của tỉ lệ chiết khấu
- Phân tích chương trình y tế (sử dụng phương pháp CEA) sẽ bao gồm các bước tương tự như những bước trong trường hợp thiết lập thẩm định dự án đầu tư bình thường, ngoại trừ việc bỏ qua phần lợi ích và tập trung vào thiết lập chi phí cho đúng.
- Phân tích kinh tế sẽ bao gồm so sánh các chi phí kinh tế của hai phương án hoặc ước tính chi phí kinh tế trên mỗi đơn vị kết quả của mỗi chương trình.





III. PHÂN TÍCH CROSS – COUTRIES TRONG CHI TIÊU Y TẾ

Những lưu ý khi phân tích chi phí hiệu quả trong y tế

Lấy ví dụ hoạt động giám sát côn trùng chỉ số muỗi. Giám sát được bao nhiêu con là chỉ số chuyên môn. Người quản lý chương trình cần phải quan tâm là bao nhiêu giám sát đúng quy trình, bao nhiêu làm không đúng quy trình. Từ đó tính ra chi phí hiệu quả, chất lượng chương trình ở chỗ nào, hiệu quả chỗ nào. Chọn ai thực hiện số tiền thấp nhất là hiệu quả. Ví dụ trong cùng thời gian, người A có số lần giám sát đúng quy trình là 18 lần, trong khi người B chỉ giám sát đúng quy trình 12 lần. Vậy người A giám sát hiệu quả hơn người B. Chi phí hiệu quả nói lên kỹ năng thực hiện công tác được giao của cán bộ. Từ đó, có thể có mức trả lương, hoặc khen thưởng đúng với năng lực của cán bộ đó. Điều này còn muốn nói lên không phải người làm nhiều năm hơn thì luôn lương cao hơn người mới (!)

